**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN A**
**TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: **68**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 11 - 2021
*V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tính

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Nay

2. Ông Phạm Văn Sáu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Kim B**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã H B, huyện I, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Trần Minh C**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị D**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Kim B trình bày:*

Về hôn nhân: Vào ngày 18/4/2021, chị B và anh Trần Minh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 22/4/2021. Trong thời gian chung sống, chị B và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ

chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ ngày 02 tháng 5 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa chị B và anh C không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày lễ Đính hôn (ngày 10/02/2021) và ngày tổ chức lễ cưới, gia đình anh C tặng cho vợ chồng chị B và anh C 09 chỉ vàng 24K, gồm: 01 tắm lắc trọng lượng 03 chỉ, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ, 01 cái Kiềng đeo cổ trọng lượng 03 chỉ và 1,5 lượng vàng 18K gồm: 02 bộ vòng đeo tay (vòng ximen) trọng lượng khoảng 1,2 lượng, 01 Kiềng đeo cổ trọng lượng khoảng 02 chỉ, 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ. Hiện nay, chị B đang quản lý 1,5 lượng vàng 18K; 09 chỉ vàng 24K do mẹ chồng của chị B là bà Lê Thị D đang quản lý. Khi ly hôn, chị B yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Ngoài ra, trước khi làm đám cưới cha mẹ ruột của chị B có mua tặng cho riêng chị B 01 chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu Vison sản xuất năm 2016, BKS 68T1 – 332.58 do chị B đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, cấp ngày 16/12/2016. Trong lễ xuất giá cha mẹ chị B còn tặng cho riêng chị B 05 chỉ vàng 24K (loại vòng đeo tay), đến lúc làm lễ ra mắt 02 họ (ngày cưới) cha mẹ chị B có công bố với gia đình anh C là có tặng cho riêng chị B 05 chỉ vàng 24K và đeo vào tay của chị B trước mặt bà con hai họ. Vì vậy, chị B không đồng ý chia đôi tài sản trên với anh C.

Về nợ chung: Chị B xác định vợ chồng chung sống không có nợ bất kỳ tổ chức tín dụng hay cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Minh C trình bày*: Anh C thống nhất với ý kiến trình bày của chị B về thời gian chung sống, kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, nợ chung, nhưng thống nhất về tài sản chung.

Về hôn nhân: Anh C xác định anh và chị B quen nhau qua mạng xã hội Zalo, sau khoảng 01 năm tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân, nhưng chỉ mới chung sống được khoảng 02 tuần (từ ngày 18/4/2021 đến ngày 02/5/2021) thì chị B kiếm chuyện bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng với chị B không còn hạnh phúc nên anh C đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh C và chị B chung sống không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày lễ Đính hôn (ngày 10/02/2021) và ngày tổ chức lễ cưới (ngày 18/4/2021), gia đình anh C tặng cho vợ chồng chị B và anh C 08 chỉ vàng 24K, gồm: 01 tắm lắc trọng lượng 2,89 chỉ, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 3,132 chỉ, 01 cái Kiềng đeo cổ trọng lượng 02 chỉ và 1,6 lượng vàng 18K gồm: 02 bộ vòng đeo tay (ximen) trọng lượng khoảng 01 lượng 07 phân 05 ly, và 01 Kiềng đeo cổ + mặt trọng lượng 03 chỉ 06 phân 08 ly, 01 đôi bông tai trọng lượng 06 phân 06 ly.

Ngoài ra, trong ngày cưới cha mẹ ruột của chị B tuyên bố cho chị B và anh C 01 chiếc xe chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu Vison sản xuất năm 2016, BKS 68T1 – 332.58 do chị B đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, cấp ngày 16/12/2016 và 05 chỉ vàng 24K (loại vòng đeo tay), việc tặng cho không phải là cho riêng chị B mà cho vợ chồng chị B và anh C.

Hiện nay, chị B đang quản lý toàn bộ số vàng trên. Khi ly hôn với chị B, anh C đồng ý chia đôi số vàng 2,4 lượng mà cha mẹ anh C tặng cho vợ chồng trong ngày cưới nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị chiếc xe Honda Vision và 05 chỉ vàng 24K của cha mẹ chị B tặng cho chung vợ chồng anh C và chị B trong ngày cưới.

Về nợ chung: Anh C thống nhất xác định vợ chồng chung sống với nhau không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày*: Trong ngày lễ Đính hôn của anh C và chị B (ngày 10/02/2021) và ngày tổ chức lễ cưới (ngày 18/4/2021), bà D có tặng cho vợ chồng chị B, anh C 2,4 lượng vàng, gồm 08 chỉ vàng 24K và 1,6 lượng vàng 18K như anh C trình bày và gia đình bà D còn nộp tài cho gia đình chị B 30.000.000 đồng. Số vàng trên do bà D trực tiếp mua tại Công ty TNHH Gia công vàng Kim Quang II, III địa chỉ: Đường D3, KDC Rạch Đắp (Ngã tư cổng chợ An Điền), xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương có giấy mua vàng thể hiện cho lời trình bày của bà D là chính xác. Bà D xác định bà không có quản lý 08 chỉ vàng 24K như chị B trình bày mà toàn bộ số vàng ngày cưới hiện do chị B đang trực tiếp quản lý, kể cả 05 chỉ vàng 24K và xe Honda Vison của cha mẹ chị B tặng cho chung vợ chồng chị B và anh Phung. Vì vậy, bà D không đồng ý giao trả lại số vàng 24K như chị B yêu cầu. Bà D chỉ đồng ý chia đôi 2,4 lượng vàng mà bà D đã tặng cho chị B và anh C trong ngày cưới khi Tòa án chia đôi luôn 05 chỉ vàng 24K và giá trị chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu Vison của cha mẹ chị B tặng cho chị B và anh C trong ngày cưới. Ngoài ra, bà D không còn ý kiến gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Kim B đối với anh Trần Minh C. Về hôn nhân, cho chị B ly hôn với anh C. Về con chung, nợ chung: Anh C và chị B thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của chị B mà có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh C và bà D xác định tài sản chung mà cha mẹ anh C tặng cho trong ngày cưới là 2,4 lượng vàng, trong đó gồm 08 chỉ 22 ly vàng 24K và 01 lượng 05 chỉ 09 ly vàng 18K. Toàn bộ số vàng trên hiện do chị B đang quản lý nên cần chấp nhận yêu cầu chia đôi số vàng trên, buộc chị B giao lại ½ số vàng trên cho anh C. Đối với yêu

cầu của anh Phung là chia đôi giá trị 05 chỉ vàng 24K và giá trị chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu Vison của cha mẹ chị B tặng cho chị B và anh C trong ngày cưới. Do anh C không có yêu cầu phản tố và không được Tòa án thụ lý nên không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này; anh C có quyền khởi kiện chị B trong vụ án khác. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị B và anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Kim B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với anh Trần Minh C, địa chỉ cư trú tại ấp E, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về hôn nhân: Ngày 18/4/2021, chị B và anh C tự nguyện xây dựng hôn nhân được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và có đ ă ng kí kế t hơn tạ i Ủ y ban nhn đn x̃ G, huyệ n A, tỉ nh Bạ c Lĩu ̃vo nỹ 22/4/2021, đ ư ợ c cấ p giấ y chứ ng nhậ n đ ă ng kí kế t hơn số 34/2021 nên hôn nhân của chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị B và anh C đã sống ly thân ngày 02 tháng 5 năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân giữa anh C và chị B không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên chị B yêu cầu ly hôn anh C và anh C cũng đồng ý ly hôn với chị B. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B với anh C. Cho chị B ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Chị B và anh C chung sống với nhau không có con chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B xác định trong ngày lễ Đính hôn (ngày 10/02/2021) và ngày tổ chức lễ cưới (ngày 18/4/2021), cha mẹ anh C có tặng cho vợ chồng chị B, anh C 2,4 lượng vàng gồm: 09 chỉ vàng 24K, 1,5 lượng vàng 18K. Chị B đang quản lý 1,5 lượng vàng 18K, bà D là mẹ ruột anh C đang quản lý 09 chỉ vàng 24K do chị B gửi bà D cất giữ ngay sau khi đăng ký kết hôn (ngày 22/4/2021).

Tuy nhiên, bà D và anh C cùng xác định trong ngày cưới bà D đã tặng cho anh C và chị B 2,4 lượng vàng gồm: 08 chỉ vàng 24K và 1,6 lượng vàng 18K, toàn bộ số vàng trên hiện do chị B đang quản lý, bà D không có quản lý 09 chỉ vàng 24K như chị B trình bày. Ngoài ra, anh C xác định trong ngày cưới cha mẹ ruột của chị D còn tặng cho chung vợ chồng anh C và chị B 05 chỉ vàng 24K và 01 chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu Vison nên anh C yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng và giá trị chiếc xe gắn máy trên.

[5.1] Xét thấy, chị B yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng với anh C là 09 chỉ vàng 24K và 1,5 lượng vàng 18K nhưng chị B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của chị B là có căn cứ. Bà D cung cấp cho Tòa án các hóa đơn mua vàng tại Công ty TNHH Gia công vàng Kim Quang II, III. Địa chỉ: Đường D3, KDC Rạch Đắp (Ngã tư cổng chợ An Điền), xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thể hiện: Trọng lượng vàng 24K (loại vàng 980) là 08 chỉ 22 ly, gồm 01 tắm lắc trọng lượng 2,89 chỉ, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 3,132 chỉ, 01 cái Kiềng đeo cổ trọng lượng 02 chỉ và 01 lượng 05 chỉ 09 ly vàng 18K (loại vàng 610) gồm: 02 bộ vòng đeo tay (Ximen) trọng lượng là 01 lượng 07 phân 05 ly và 01 Kiềng đeo cổ + mặt trọng lượng 03 chỉ 06 phân 08 ly, 01 đôi bông tai trọng lượng 06 phân 06 ly. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lời trình bày của bà D là có căn cứ nên được chấp nhận xác định số lượng vàng mà bà D tặng cho chị B và anh C là 08 chỉ 22 ly vàng 24K (loại vàng 980) và 01 lượng 05 chỉ 09 ly vàng 18K (loại vàng 610).

[5.2] Chị B thừa nhận đang quản lý toàn bộ số vàng 18K (loại vàng 610) là 1,5 lượng, như đã phân tích tại mục [5.1] thì trọng lượng vàng 18K (loại vàng 610) là 01 lượng 05 chỉ 09 ly. Xét thấy, đây là tài sản chung của chị B và anh C được cha mẹ anh C tặng cho trong ngày cưới nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B và ý kiến của anh C là chia đôi số vàng 18K (loại vàng 610) nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, chị B và anh C mỗi người được chia 07 chỉ 09 phân 05 ly vàng 18K (loại vàng 610). Chị B thừa nhận đang quản lý toàn bộ số vàng 18K (loại vàng 610) nên chị B có nghĩa vụ giao lại cho anh C 07 chỉ 09 phân 05 ly vàng 18K (loại vàng 610), loại vàng đang lưu hành trên thị trường tại địa phương.

[5.3] Đối với 08 chỉ 22 ly vàng 24K (loại vàng 980), chị B xác định gửi bà D cất giữ nhưng bà D và anh C không thừa nhận. Chị B không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có gửi bà D số vàng trên, theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đòi bà D giao trả 08 chỉ 22 ly vàng 24K (loại vàng 980), mà có căn cứ xác định 08 chỉ 22 ly vàng 24K (loại vàng 980) là do chị B đang quản lý nên cần buộc chị B giao lại cho anh C 04 chỉ 11 ly vàng 24K (loại vàng 980), loại vàng đang lưu hành tại địa phương.

[5.4] Chị B không xác định được giá vàng hiện trên thị trường tại thời điểm xét xử; anh C, bà D tham khảo giá mua bán vàng trên thị trường qua mạng internet cung cấp cho Tòa án thì vàng 24K (loại vàng 980) tại thời điểm xét xử (ngày 24/11/2021) có giá là 5.230.000 đồng/chỉ, vàng 18K (loại vàng 610) có giá 3.260.000 đồng/chỉ.

[5.5] Đối với yêu cầu của anh C là chia đôi 05 chỉ vàng 24K của cha mẹ chị B tặng cho chung anh C và chị B trong ngày cưới. Xét thấy, yêu cầu của anh C là có căn cứ. Tuy nhiên, trong vụ án này anh C không có đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu chia đôi 05 chỉ vàng 24K trên. Căn cứ vào Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không thể xem xét, giải quyết yêu cầu nêu trên của anh C. Anh C có quyền khởi kiện chị B yêu

cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với 05 chỉ vàng 24K nêu trên tại Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kiên Giang để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5.6] Đối với 01 chiếc xe gắn máy của hãng Honda nhãn hiệu VISON sản xuất năm 2016 do chị B đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy ngày 16/12/2016, anh C xác định do cha mẹ chị B công bố tặng cho vợ chồng anh C và chị B trong ngày cưới. Như đã phân tích tại mục [5.4] thì anh C không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này. Anh C được quyền khởi kiện chị B yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Chị B và anh C cùng thống nhất xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị B còn phải nộp 2.370.615 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với giá trị tài sản được chia là 47.412.300 đồng x 5%). Tổng cộng tiền án phí chị B phải nộp là 2.670.615 đồng, nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.000 đồng theo Biên lai số 0000586 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chị B còn phải nộp tiếp số tiền 1.195.615 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% x 47.412.300 đồng (là giá trị tài sản được chia) = 2.370.615 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 33, 55, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Kim B với anh Trần Minh C. Cho chị B ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn giữa chị B với anh C. Chia cho chị B 07 chỉ 09 phân 05 ly vàng 18K (loại vàng 610) và 04 chỉ 11 ly vàng 24K (loại vàng 980). Chia cho anh C 07 chỉ 09 phân 05 ly vàng 18K (loại vàng 610) và 04 chỉ 11 ly vàng 24K (loại vàng 980). Buộc chị B có nghĩa vụ giao lại cho anh C 07 chỉ 09 phân 05 ly vàng 18K (loại vàng 610) và 04 chỉ 11 ly vàng 24K (loại vàng 980). Loại vàng đang lưu hành trên thị trường tại địa phương.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 2.370.615 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng tiền án phí chị B phải nộp là 2.670.615 đồng, nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.000 đồng theo Biên lai số 0000586 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chị B còn phải nộp tiếp số tiền 1.195.615 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh C phải nộp 2.370.615 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu khi án có hiệu lực pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã G, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Hoàng Tính**